

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2025/DS-ST**  
Ngày: 31/3/2025  
V/v: “Tranh chấp hợp  
đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Loan Trần Hải Yến
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
  - Bà Nguyễn Thị Kim Chi
  - Bà Huỳnh Thị Kim Kiên
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 781/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 353/2025/QĐST-DS ngày 04/3/2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S**

Trụ sở tại: 266 -268, N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo pháp luật:** Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Trần Trung P – Trưởng phòng G (theo giấy ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PL ngày 25/12/2023 của TGD Ngân hàng TMCP S).

**Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng:** Ông Lê Hồng T, sinh năm 1994; Địa chỉ liên hệ: Số I, đường Đ, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**2. Bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1988**

Địa chỉ: tổ D, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2024 và tại các bản tự khai đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Lê Hồng T trình bày:*

Ngày 26/6/2023, bà Vũ Thị L có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 236265 ngày 26/6/2023 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Vũ Thị L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Vũ Thị L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 60.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Vũ Thị L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.727.196 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Vũ Thị L vẫn không có thiện chí trả nợ, do bà Vũ Thị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 06/5/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 31/12/2024 bà L còn nợ các khoản sau: nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 24.546.117 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Vũ Thị L yêu cầu bà Vũ Thị L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà L trả nợ tuy nhiên bà L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho ngân hàng vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị L phải thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 31/12/2024 tổng cộng là 84.546.117 đồng, trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 24.546.117 đồng, tổng cộng là 84.546.117 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2025 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ.

Tính đến ngày 30/3/2025, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị L phải thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là 92.619.129 đồng (trong đó nợ là 60.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 32.619.129 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/3/2025 cho đến khi trả hết nợ.

*Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Vũ Thị L nhưng bà Vũ Thị L vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Vũ Thị L có địa chỉ tại tổ D, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Lê Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho bà Vũ Thị L nhưng bà Vũ Thị L vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị L thanh toán tiền còn nợ của thẻ tín dụng theo hợp đồng số 236265 ngày 26/6/2023, nên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xét thấy:

Ngày 26/6/2023, bà Vũ Thị L có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 236265 ngày 26/6/2023 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Vũ Thị L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Vũ Thị L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 60.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Vũ Thị L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.727.196 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Vũ Thị L vẫn không có thiện chí trả nợ, do bà Vũ Thị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 06/5/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (quy định tại Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị L phải thanh toán ngay số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là 92.619.129 đồng (trong đó nợ là 60.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 32.619.129 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/3/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn cố tình vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ trên chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thì việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị L phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là 92.619.129 đồng (trong đó nợ là 60.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 32.619.129 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/3/2025 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở chấp nhận.

Do đó buộc bà Vũ Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là 92.619.129 đồng (trong đó nợ là 60.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 32.619.129 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/3/2025 cho đến khi trả hết nợ.

[5] Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu số tiền 4.631.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 1.671.451 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng của Quốc hội số 47/2010/QH12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Vũ Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Vũ Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tạm tính đến ngày 30/3/2025 số tiền 92.619.129 đồng (Chín mươi hai triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm hai mươi chín đồng); trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng); tiền lãi quá hạn là 32.619.129 đồng (ba mươi hai triệu sáu trăm mười chín nghìn một trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/3/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 236265 ngày 26/6/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí:

+ Bà Vũ Thị L phải chịu số tiền 4.631.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.671.451 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng) theo biên lai thu tiền số 0004714 ngày 12/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Loan Trần Hải Yến**